

Kết hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ hiện nay

NGUYỄN TRỌNG CƠ

C hình phủ và Ngân hàng trung ương có hai công cụ quan trọng để điều hành nền kinh tế, đó là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Nếu như được sử dụng đúng cách thì cả hai công cụ trên đều có thể đem lại những kết quả tương tự trong việc kích thích nền kinh tế và làm chậm lại khi kinh tế tăng trưởng nóng. Bài viết nêu lên một số khó khăn trong phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong thời gian qua, đồng thời đưa ra một số giải pháp tăng cường kết hợp giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Từ khóa: chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, nợ công, phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.

T trong bối cảnh lạm phát cao đi kèm với tăng trưởng thấp, nếu chỉ sử dụng một chính sách tài khóa hay tiền tệ mở rộng để thúc đẩy tăng trưởng, mục tiêu kiềm chế lạm phát ở mức thấp sẽ không đạt được. Ngược lại, nếu thắt chặt tài khóa hoặc tiền tệ để chống lạm phát, nền kinh tế có thể rơi vào suy thoái. Tuy nhiên, khi có sự phối hợp chính sách, theo đó chính sách tiền tệ thắt chặt để chống lạm phát, còn chính sách tài khóa mở rộng để thúc đẩy tăng trưởng, khả năng sẽ đạt được cả hai mục tiêu cùng một lúc. Đây chính là phương án phối hợp giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tại Việt Nam trong giai đoạn vừa qua. Kết quả là lạm phát đã giảm nhanh, đồng thời nền kinh tế bắt đầu xu hướng phục hồi.

1. Chính sách tài khóa

Bên cạnh những kết quả đạt được năm 2014, nợ công đang có xu hướng tăng nhanh cả về quy mô và tốc độ (tăng từ 54,9% GDP năm 2011, đến năm 2015 là 64% GDP), chưa tính các khoản nợ thuộc trách nhiệm phải trả của ngân sách nhà nước như nợ quỹ hoàn thuế, nợ quỹ bảo hiểm xã hội, nợ cấp bù chênh lệch lãi suất cho các ngân hàng chính sách. Tốc độ tăng nợ công nhanh hơn tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước trong khi tốc độ

tăng GDP thấp ảnh hưởng tới tính bền vững. Nghĩa vụ trả nợ và các khoản nợ phải trả hàng năm tăng nhanh dẫn đến phải vay đảo nợ với khối lượng lớn, năm sau cao hơn năm trước tạo áp lực cho cân đối, bố trí nguồn trả nợ hàng năm. Cơ cấu nợ công chưa hợp lý khi vốn vay trong nước ngắn hạn chiếm tỷ lệ cao, lãi suất vay khá cao nhưng lại được sử dụng cho các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội có thời hạn thu hồi vốn dài, dẫn đến áp lực trả nợ cho ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng vốn vay cũng chưa thật hiệu quả, nhiều dự án chậm tiến độ làm tăng tổng mức đầu tư, tăng chi phí lãi vay, kéo dài thời gian thu hồi vốn, tạo thêm gánh nặng trả nợ. Những rủi ro của ngân sách nhà nước, chủ sở hữu là nhà nước, rủi ro của tài chính quốc gia từ khu vực doanh nghiệp nhà nước vẫn còn tiềm ẩn do tình hình tài chính của nhiều doanh nghiệp nhà nước quá khó khăn, rủi ro từ các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ, các khoản Chính phủ vay về cho vay lại, vay ưu đãi có hỗ trợ lãi suất, trái phiếu doanh nghiệp... của doanh nghiệp nhà nước. Tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư ngoài ngành, xử lý nợ xấu thực hiện còn chậm so kế

Nguyễn Trọng Cơ, PGS.TS., Học viện Tài chính.

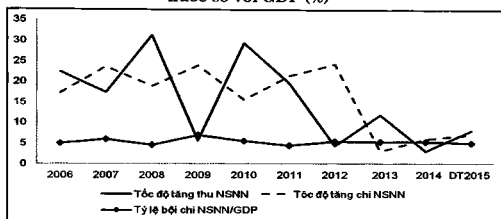
hoạch, mục tiêu đề ra, hoặc có cổ phần hóa nhưng chỉ mang tính hình thức, biểu tượng do tỷ lệ vốn nhà nước chiếm giữ còn quá cao, không thu hút được các nhà đầu tư chiến lược để thay đổi cơ bản về quản trị và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ mới vào phát triển doanh nghiệp

Trong khi nền kinh tế còn tồn tại những khó khăn với ảnh hưởng của sự phá giá đồng nhân dân tệ của Trung Quốc, Ngân hàng Nhà nước đã có những điều chỉnh tỷ giá kịp thời, phù hợp với diễn biến thị trường. Nhưng theo đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế, hàng hóa nước ta sẽ gặp nhiều bất lợi khi cạnh tranh với hàng hóa giá rẻ nhập khẩu từ Trung

Quốc. Tâm lý doanh nghiệp găm giữ ngoại tệ, tỷ giá bị đẩy lên sát trần hoặc dấu hiệu căng thẳng về lãi suất ở một số thời điểm cũng ít nhiều tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và nền kinh tế. Giá dầu thô thế giới sụt giảm sâu cũng được coi là nhân tố ảnh hưởng tới mục tiêu thu ngân sách.

Thực tiễn cho thấy, giai đoạn 2011-2015, chính sách tài khóa đã được điều chỉnh theo hướng thắt chặt chi tiêu, cơ cấu lại các khoản chi, đặc biệt là chi đầu tư công. Trong khi đó, chính sách thuế được thực hiện theo hướng miễn, giảm, gia hạn một số sắc thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường.

HÌNH 1: Tốc độ tăng thu – chi ngân sách nhà nước và tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GDP (%)



Nguồn: Bộ Tài chính.

Mặc dù tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước (NSNN) giảm dần nhưng số liệu ngân sách cho thấy, trong giai đoạn 2011-2015, quy mô thâm hụt NSNN vẫn ngày càng lớn với tốc độ tăng bội chi năm 2012 lên tới 55% so với năm 2011, tương ứng với mức bội chi tăng từ 4,4% GDP năm 2011 lên 5,36% GDP năm 2012, vượt xa mức dự toán là 4,8% GDP. Mặc dù năm 2013 và 2014 tốc độ tăng bội chi giảm mạnh xuống còn 9% và 18%, nhưng do quy mô bội chi lớn nên mức bội chi của 2 năm này vẫn chiếm đến 5,3% GDP. Năm 2015, căn cứ tình hình kinh tế vĩ mô có dấu hiệu khá quan, Quốc hội đã thông qua dự toán ngân sách năm 2015 với mức bội chi giảm xuống còn 5% GDP, tuy nhiên vẫn vượt khá xa mục tiêu đặt ra trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015

và Chiến lược tài chính đến năm 2020 là dưới 4,5% GDP (tính cả trái phiếu chính phủ). Như vậy, mặc dù chi NSNN đã từng bước được thắt chặt, tốc độ tăng chi giảm dần, thậm chí quy mô chi đầu tư giảm cả về số tuyệt đối nhưng thâm hụt ngân sách vẫn liên tục xảy ra và ở mức cao so với mục tiêu đặt ra. Năm 2015, công tác thu chi NSNN được triển khai trong bối cảnh còn nhiều khó khăn kèm theo việc giá dầu thô sụt giảm mạnh, nhưng tính đến ngày 28-12-2015, tổng thu cân đối NSNN đạt gần 957 nghìn tỷ đồng, bằng 105% dự toán, 103,1% số ước thu cả năm đã báo cáo Quốc hội. Trong đó, thu nội địa đạt 110,9% dự toán, bằng 103,1% số báo cáo Quốc hội; thu dầu thô đạt 73,1% dự toán, bằng 111,4%; thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 98,2% dự toán.

2. Chính sách tiền tệ

Những thành công của chính sách tiền tệ giai đoạn 2011-2014 đã rõ, khi năm 2011 lãi suất cho vay bị đẩy lên 20-25%/năm, lãi suất huy động 17-21%/năm, thị trường rơi vào hỗn loạn trong sự cạnh tranh vốn của các tổ chức tín dụng. Trước tình hình đó, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều hành giảm lãi suất cho vay xuống mức 17-19%/năm vào cuối năm 2011. Tiếp đó, ngay từ đầu năm 2012, định hướng giảm mặt bằng lãi suất huy động đến cuối năm còn 9-10%/năm; năm 2013 và 2014 tiếp tục điều chỉnh giảm nhẹ lãi suất phù hợp với diễn biến thực tế của lạm phát. Đến cuối năm 2014, mặt bằng lãi suất đã giảm 1,5-2%/năm so với cuối năm 2013. Trong đó, mặt bằng lãi suất huy động giảm 1,5-2%/năm, lãi suất cho vay giảm khoảng 2%/năm, đưa mặt bằng lãi suất xuống thấp hơn mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006.

Cùng với việc hạ thấp mặt bằng lãi suất, NHNN đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh; triển khai các

chương trình gắn kết tín dụng ngân hàng với chính sách ngành kinh tế, chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ.

Chính sách điều hành của NHNN đã hướng dòng vốn vào các lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Xu hướng chung là tỷ lệ nợ xấu tăng lên. Từ giữa năm 2013, sự ra đời của VAMC và hoạt động mua nợ xấu của các ngân hàng thương mại đã giúp tỷ lệ này giảm xuống còn khoảng 3,6%. Đến tháng 7-2014, tỷ lệ nợ xấu tăng lên 4,11%. Đến tháng 11-2014, tỷ lệ nợ xấu đã giảm còn 3,8%, nhưng việc giảm này vẫn là nhờ vào cơ chế hoán đổi nợ lấy trái phiếu đặc biệt của VAMC. Kể từ khi ra đời cho đến hết năm 2014, tổ chức này đã mua khoảng 125-130 nghìn tỷ đồng nợ xấu gốc từ các tổ chức tín dụng¹. Tuy vậy, giá trị nợ xấu VAMC thu hồi được là không đáng kể. Tính đến 24-12-2014, chỉ thu hồi được khoảng 4.161 tỷ đồng.

BẢNG 1: Tỷ lệ nợ xấu giai đoạn 2011-2015

Thời gian	12-2011	12-2012	12-2013	7-2014	11-2014	9-2015
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3,10	4,20	3,60	4,11	3,80	3,0

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

Theo nhận định của một số nhà khoa học, cơ chế hoạt động của tổ chức VAMC tại Việt Nam có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro trong quá trình xử lý nợ xấu. VAMC mua nợ bằng trái phiếu đặc biệt, được mang giao dịch với NHNN để vay tiền. Bán nợ, cầm giấy, ngân hàng vẫn phải tiếp tục đòi nợ và mỗi năm, trích dự phòng rủi ro bằng 20% tổng giá trị tờ giấy cầm ấy. Hiện VAMC đang gặp khó khăn trong việc phát mãi tài sản đảm bảo thông qua đấu giá. Trong khi đó, cơ chế hoạt động của một tổ chức như VAMC ở các quốc gia khác thực chất là Nhà nước bỏ tiền ra mua nợ, ôm khoản nợ đó một thời gian, sau đó khi kinh tế phục hồi, thị trường tài

chính, bất động sản ảm lên sẽ bán ra thị trường.

3. Những khó khăn trong phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ

Thứ nhất, chưa có một mô hình hoạch định chính sách kinh tế tổng thể, dự báo và tính toán tương đối chính xác tác động của các biến số kinh tế (trong đó có các biến số chính sách) đến các mục tiêu kinh tế cần đạt được. Thế giới ngày nay luôn luôn biến động,

1. <http://vneconomy.vn/tai-chinh/chu-tich-vamc-ke-kho-thu-hoi-no-xau-20141229075135482.htm>.

khả năng dự báo, đánh giá tác động của các mô hình kinh tế lượng thường gặp nhiều hạn chế. Việc dự báo hay đánh giá thiếu chính xác các tác động sẽ khiến cho việc phân công vai trò và liều lượng giữa các chính sách lúc ban đầu có thể trở nên không còn hợp lý trong bối cảnh mới, thậm chí có thể khiến các chính sách kinh tế rơi vào thế bị động.

Tại Việt Nam, việc không lường hết được các biến động và tác động trên thị trường tiền tệ thế giới đã khiến cho chính sách tiền tệ thời gian qua không thể nổi lòng thêm để hạ lãi suất, cũng như hỗ trợ chính sách tài khóa trong việc huy động vốn trên thị trường tài chính nhằm đạt được mục tiêu đã đặt ra theo kế hoạch. Việc dự báo lạm phát ở mức cao hơn nhiều so với thực tế cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến kỳ vọng lãi suất bị neo ở mức cao, chứ không hạ theo lạm phát. Trong khi đó, dự báo giá dầu ở mức quá cao đã khiến cho thu ngân sách gặp khó khăn, thanh khoản của Kho bạc Nhà nước tại một số thời điểm bị căng thẳng và cũng góp phần khiến cho mục tiêu hạ lãi suất 1-1,5% Chính phủ đặt ra từ đầu năm 2015 không thể đạt được.

Thứ hai, tồn tại sự độc lập tương đối giữa các cơ quan hoạch định chính sách khiến việc phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trở nên khó khăn hơn. Cho dù các mô hình dự báo và hoạch định chính sách kinh tế hoàn thiện đến đâu, việc phối hợp chỉ được thực hiện một cách hiệu quả nếu có một trung tâm điều phối duy nhất. Tuy nhiên, trung tâm này lại chỉ có trong một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung.

Tại Việt Nam hiện nay, các bộ, ngành đều được phân công phụ trách và chịu trách nhiệm đối với một số nhiệm vụ cụ thể, mặc dù có thể chưa thật rõ ràng. Chẳng hạn, Bộ Tài chính phải thu đủ theo dự toán, đồng thời đảm bảo các khoản chi phải được thực hiện đúng tiến độ để ra theo kế hoạch, cho dù các điều kiện bên ngoài có thể không thuận lợi. Còn NHNN phải chịu trách nhiệm ổn định lạm phát, tỷ giá, đảm bảo sự an toàn của hệ thống tài chính... Vì vậy, sẽ là logic nếu các cơ quan này

có thể theo đuổi những mục tiêu riêng của mình nhiều hơn so với các mục tiêu khác. Chẳng hạn, Bộ Kế hoạch và đầu tư có thể muốn ưu tiên tăng đầu tư để đảm bảo tăng trưởng kinh tế, nhưng Bộ Tài chính lại muốn đặt kế hoạch chi tiêu thấp để giảm áp lực cho công tác hành thu. Bộ Tài chính cũng có thể muốn ủng hộ phương án ổn định tỷ giá để đảm bảo nợ công, nợ nước ngoài ở ngưỡng an toàn, nhưng NHNN lại có thể muốn ưu tiên cho phương án tỷ giá linh hoạt hơn để duy trì dự trữ ngoại hối. Bộ Tài chính muốn lãi suất thấp để giảm gánh nặng trả nợ, nhưng NHNN lại muốn lãi suất đủ cao để kiểm chế lạm phát.

4. Một số giải pháp định hướng tăng cường kết hợp giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ

Một là, điều hành linh hoạt, hiệu quả và phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách khác; điều hành lãi suất, tỷ giá theo hướng linh hoạt, phù hợp với tình hình kinh tế thế giới và trong nước để thúc đẩy xuất khẩu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đi đôi với việc bảo đảm ổn định thị trường trong nước.

Xác định tính độc lập tương đối của các bộ, ngành cũng là một vấn đề phức tạp. Một mặt, để tăng hiệu quả phối hợp, cần giảm tính độc lập của các bộ, ngành. Nhưng mặt khác, nếu giảm tính độc lập của các bộ ngành, sẽ không tạo được động lực để các bộ, ngành tận dụng và phát huy hết năng lực của mình, trong khi cơ quan điều phối (hiện là bộ Kế hoạch và đầu tư) lại không phải là người thực hiện các chính sách vì không kiểm soát các công cụ chính sách.

Kinh nghiệm của các nước cho thấy, phương án được áp dụng nhiều hiện nay là duy trì sự độc lập tương đối của các cơ quan hoạch định chính sách khác nhau, nhưng áp đặt các ràng buộc về mục tiêu như lạm phát, thâm hụt ngân sách, trần nợ công... một cách cụ thể. Trong phương án này, về bản chất, giữa các chính sách tài khóa và tiền tệ không có sự phối hợp chính sách bắt buộc hay chính thức nào cả, vì mỗi chính sách sẽ theo đuổi

mục tiêu riêng được phân công. Mặc dù vậy, sự phân công mục tiêu giữa các chính sách được dựa trên cơ sở khoa học là mỗi chính sách sẽ được gắn với các mục tiêu mà nó có khả năng tác động mạnh nhất và nhanh nhất, và do đó sự phân công vai trò này sẽ đem lại hiệu quả cao. Chẳng hạn, mô hình ngân hàng trung ương độc lập được áp dụng tại nhiều nước, về bản chất, là một sự phân công được thể chế hóa dựa trên cơ sở khoa học là chính sách tiền tệ có hiệu quả tương đối so với chính sách tài khóa trong việc ổn định lạm phát và tỷ giá. Trong khi đó, các chính sách tài khóa, mặc dù có mức độ linh hoạt thấp hơn do nhiều quyết định phải được Quốc hội thông qua, nhưng lại có tác động tới GDP mạnh hơn chính sách tiền tệ, nhất là trong các giai đoạn khủng hoảng. Tại Việt Nam, các mục tiêu nói trên cũng được đặt ra, nhưng trách nhiệm gắn với từng bộ, ngành còn chưa thật rõ ràng và cụ thể. Ngay cả cách đặt mục tiêu về lạm phát dưới 5% cũng chưa thật hợp lý, bởi nếu lạm phát ở mức 0% vẫn được coi là đạt kế hoạch, trong khi với mức lạm phát này, nguy cơ nền kinh tế rơi vào giảm phát là không nhỏ. Một mục tiêu lạm phát hợp lý hơn có thể là 2-3% và cộng thêm một biên độ dao động cho phép nào đó.

Trong công tác dự báo đặt ra vấn đề là phải thiết lập được các cơ chế sao cho các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ có thể được điều chỉnh kịp thời khi có những biến động lớn xảy ra. Đối với chính sách tiền tệ, sự linh hoạt không gặp nhiều khó khăn. Nhưng đối với chính sách tài khóa thì lại khác. Các quyết định về tài khóa chủ yếu do Quốc hội đưa ra, nhưng cơ quan lập pháp lại chỉ họp 2 lần mỗi năm. Mặc dù việc phân quyền nhiều hơn cho ủy ban Thường vụ Quốc hội có thể giúp chính sách tài khóa linh hoạt hơn, nhưng nhiều vấn đề liên quan đến thu thuế và chi tiêu ngân sách vẫn đòi hỏi phải được đa số các đại biểu thông qua.

Hai là, đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động các ngành sản xuất có tỷ

trọng kim ngạch xuất khẩu lớn; phát triển sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có tiềm năng, có tốc độ tăng trưởng và giá trị gia tăng cao. Các doanh nghiệp không chỉ khai thác tối đa thị trường trong nước mà còn tranh thủ các ưu đãi mà các hiệp định thương mại tự do mang lại nhằm mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu nông sản.

Ba là, tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, tiết kiệm chi tiêu, cơ cấu lại các khoản chi bao gồm cả chi đầu tư và chi thường xuyên; không ban hành các chính sách mới làm tăng chi hoặc giảm thu ngân sách. Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn nhưng những hỗ trợ từ phía Nhà nước liên quan đến chính sách thuế đã được mở rộng trong mấy năm qua, việc tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp thông qua cắt giảm thuế là khó thực hiện. Do đó, chính sách hỗ trợ nên chuyển sang hướng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thông qua cải cách thủ tục hành chính, giúp tiết kiệm chi phí cho việc tuân thủ chính sách thuế. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý nợ công chặt chẽ, cơ cấu lại nợ công theo hướng kéo dài kỳ hạn, giảm chi phí vốn vay; bảo đảm nợ công trong giới hạn. Đối mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước bền vững, tương xứng với tiềm năng, lợi thế, nguồn lực Nhà nước giao quản lý, khai thác và sử dụng theo Luật Sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các nghị quyết của Quốc hội, nghị định của Chính phủ và quyết định của Thủ tướng Chính phủ gắn với đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, các hình thức đầu tư, đẩy mạnh hình thức hợp tác PPP để huy động tối đa nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển.

Đẩy mạnh hợp tác công - tư theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14-02-2015, thu hút các nguồn vốn từ khu vực tư nhân đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng để hỗ trợ xu hướng giảm của đầu tư công do thu ngân sách giảm, đồng thời chia sẻ gánh nặng về vốn và rủi ro giữa khu vực công và khu vực tư, nâng cao tính hiệu quả và chất lượng của các dự án đầu tư.

Bốn là, tiếp tục cơ cấu lại tín dụng cho vay, chính sách tiền tệ, tín dụng tiếp tục chủ động và linh hoạt thông qua tập trung điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở với khối lượng và lãi suất hợp lý, phù hợp với tình hình vốn khả dụng của các tổ chức tín dụng, lãi suất thị trường liên ngân hàng và mục tiêu của chính sách tiền tệ, đồng thời cho vay tái cấp vốn với khối lượng, lãi suất và thời hạn hợp lý đối với các tổ chức tín dụng để hỗ trợ thanh khoản, cho vay hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ giải quyết nợ xấu và hỗ trợ phát triển kinh tế theo các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ, đi đôi với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu tín dụng. Tăng trưởng tín dụng ngân hàng là kết quả tất yếu của chính sách tín dụng hợp lý cùng với chính sách lãi suất hợp lý và chính sách tỷ giá hối đoái, ưu tiên ổn định giá trị đồng Việt Nam.

Điều hành lãi suất và tỷ giá ở mức phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, nhất là diễn biến của lạm phát, góp phần ổn định thị trường tiền tệ, bảo đảm giá trị đồng Việt Nam, kiểm soát chặt chẽ hoạt động cho vay bằng ngoại tệ, phù hợp với chủ trương hạn chế đôla hóa, góp phần ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối. Căn cứ vào diễn biến thực tế và dự báo chính xác để kịp thời điều chỉnh giảm trần lãi suất tiền gửi khi hội đủ điều kiện, kết hợp với cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng nhằm tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Các tổ chức tín dụng chắc chắn sẽ vẫn đóng vai trò

quan trọng nhất trong việc mua các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh nên sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách tiền tệ với chính sách tài khóa đóng vai trò then chốt, đáp ứng kịp thời nhu cầu chi tiêu ngân sách nhà nước và đầu tư phát triển. Chính trong điều kiện đó, để bảo đảm được cả về mục tiêu số lượng, quy mô tín dụng và yêu cầu chất lượng tín dụng thì nỗ lực tăng tín dụng vẫn là nhiệm vụ nặng nề trong năm 2015, xuất phát từ nhu cầu vốn của nền kinh tế, của doanh nghiệp cũng như của chính các tổ chức tín dụng./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thành Đô (2014), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ "Xây dựng quy trình kiểm soát và hệ thống cảnh báo rủi ro đối với danh mục nợ công".
2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2014), Báo cáo giám sát số 760/BC-UBTVQH13 ngày 27-10-2014 về việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng.
3. Tô Kim Ngọc và cộng sự (2013), Khủng hoảng nợ công tại một số nước Liên minh Châu Âu và bài học kinh nghiệm trong sự phối hợp giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ cho Việt Nam, Đề tài NCKH cấp ngành năm 2012.
4. Nguyễn Thị Kim Thanh (2013), Tính hiệu quả trong phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, *Tạp chí Tài chính*, số 3.
5. Fredric S. Mishkin (2004), *The Economics of Money, Banking, and Financial Markets*, the seventh edition, Pearson - Addison Wesley.